

TÓM TẮT QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÂY CHÈ TỔNG HỢP ICM (INTERGRATED CROP MANAGEMENT) ĐỐI VỚI GIỐNG CHÈ PH8 VÀ PH9

(công nhận tiên bộ kỹ thuật tại Quyết định số 462/TT-CCN ngày 08/11/2010 của Cục trưởng cục Trồng trọt; các công đoạn kỹ thuật khác không nêu trong quy trình này áp dụng theo Quy trình tiêu chuẩn ngành 10 TCN 446 – 200)

Nhóm tác giả: TS. Đỗ Văn Ngọc, ThS. Trần Đăng Việt (Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc) và cộng sự.

Cơ quan tác giả: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc

Nguồn gốc xuất xứ:

Từ kết quả nghiên cứu đề tài *Nghiên cứu chọn tạo giống và xây dựng qui trình quản lý tổng hợp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu* (Mã số: KC0607NN), thuộc chương trình *Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm chủ lực* (Mã số: KC06)

Phạm vi áp dụng: Các tỉnh phía Bắc Việt Nam

Tiêu chuẩn trích dẫn:

Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 446 - 2001: Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè.

I. Lựa chọn qui hoạch vùng sản xuất (Regional selection).

Đưa giống PH8 và PH9 vào vùng sản xuất chè đặc sản, chất lượng cao có độ cao < 500 m.

II. Phương pháp trồng (Planting methods).

2.1. Làm đất:

- Yêu cầu đất sâu, sạch các loại tàn dư, ủi cày toàn bộ diện tích với độ sâu 20-25cm là tốt nhất. Làm đất và xử lý phân xanh, phân chuồng đảm bảo hoại mục và trước trồng chè 1 tháng; đối với đất phục hoang, đất xấu, cần trồng một vụ cây phân xanh cải tạo đất.

- Kích thước rạch chè: sâu 40- 45 cm, rộng 50 - 60 cm.

- Thời vụ làm đất:

+ Tháng 9 đến tháng 11 đối với loại đất mới, nhiều mùn, khai hoang xong trồng ngay.

+ Tháng 11 đến tháng 3 năm sau,

2.2. Phương pháp trồng

a. *Tiêu chuẩn cây chè giống:* giâm cành, 8-10 tháng, cao > 20cm, 6 - 8 lá thật, đường kính gốc thân > 4 -5 mm, độ hóa nâu đạt 2/3 chiều cao thân, cây không mang nụ hoa và sạch sâu, bệnh.

b. *Thời vụ trồng:* Phía Bắc: tháng 8-9, tháng 1-3; phía Nam: tháng 2-4, tháng 6-7, đất đủ ẩm.

c. *Khoảng cách trồng:*

- Nơi dốc dưới 15°: 1,3-1,8 vạn bầu/ha; hàng x hàng =1,4-1,5m, cây x cây = 0,4-0,5m

- Nơi dốc trên 15°: 1,9-2,7 vạn bầu/ha; hàng x hàng =1,2 - 1,3m, cây x cây 0,3-0,4m

d. *Cách trồng:* Bóc bỏ túi bầu, đặt vào hố hay rạch, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom 1-2 cm, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió chính.

e. *Giặm cây con:*

- Cây trồng dặm: 14 -16 tháng tuổi, cao 35 - 40 cm sau khi bấm ngọn.

- Thời vụ trồng dặm: Tốt nhất vào tháng 1-2 và tháng 8 -10 (phía Bắc), tháng 9 - 11 (phía Nam), khi đất đủ ẩm.

- Bón lót mỗi cây 1,0 kg phân chuồng hoại mục.

f. *Trồng cây che bóng:* Cây che bóng lượng cây 180-250 cây/ha sử dụng cây họ đậu như muồng lỵa nhọn, muồng hoa vàng.....

III. Quản lý cỏ dại (Weed management).

3.1. Đối với chè kiến thiết cơ bản:

- Dùng biện pháp tủ xác thực vật: tủ lượng xác thực vật không có khả năng tái sinh, không gây nguy cơ ô nhiễm (tủ dày 20cm) hạn chế cỏ dại mọc và có thể tăng chất hữu cơ cho đất khi hoại mục. Tủ 1-2 lần/năm tùy thuộc chất liệu tủ.

- Trồng cây họ đậu như lạc, đậu đen: chế cỏ dại, tăng thu nhập, sử dụng thân lá cung cấp dinh dưỡng cho đất chè.

- Xới cỏ: Khi cần thiết

3.2. Đối với chè kinh doanh, chè nuôi hom giống, chè phục hồi:

Xới sạch cỏ dại, cây giữa hàng hoặc phay sâu 10 cm, lấp phân hữu cơ và cành lá già sau khi đốn, nếu hạn không cày được thì xới sạch toàn bộ; phát cỏ ven đường

Tủ lượng xác thực vật không có khả năng tái sinh (áp dụng như chè KTCB)

IV. Quản lý phân bón tổng hợp (IFM integrated fertility management).

4.1. Bón phân cho mỗi ha chè KTCB

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (tháng)	Phương pháp bón
Chè tuổi 1	N	40	2	2-3 và 6-7	Trộn đều, bón sâu 6-8 cm; cách gốc 25-30 cm, lấp kín.
	P ₂ O ₅	30	1	2-3	
	K ₂ O	30	1	2-3	
Chè tuổi 2	N	60	2	2-3 và 6-7	Trộn đều, bón sâu 6-8 cm; cách gốc 25-30 cm, lấp kín.
	P ₂ O ₅	30	1	2-3	
	K ₂ O	40	1	2-3	
Đốn tạo hình lần 1 (tuổi 2)	Hữu cơ	15.000 -20.000	1	11-12	Trộn đều, bón sâu 15 -20 cm, cách gốc 30 - 40 cm, lấp kín
	P ₂ O ₅	100	1	11-12	
Chè tuổi 3	N	80	2	2-3 và 6-7	Trộn đều, bón sâu 6-8 cm; cách gốc 30 - 40 cm, lấp kín.
	P ₂ O ₅	40	1	2-3	
	K ₂ O	60	2	2-3 và 6-7	

4.2. Kỹ thuật bón thúc cho mỗi ha chè kinh doanh:

a. Đối với nguyên liệu phục vụ chế biến chè xanh và chè đen

- Phân hữu cơ: 3 năm/lần, lượng 30-35 tấn/ha, phân hữu cơ phải hoại mục

- Phân khoáng: Hàng năm bón NPK theo tỷ lệ 3:1:1 (35N cho 1 tấn sản phẩm)

* Số lần bón: 4 lần trong năm chia ra theo tỷ lệ

+ Lần 1: 30% NPK + 60% MgSO₄ (Trung du Bắc bộ: tháng 2, Bắc Trung bộ: tháng 3)

+ Lần 2: 30% NPK + 30% MgSO₄ (Trung du Bắc bộ: tháng 5, Bắc Trung bộ: tháng 7)

+ Lần 3: 25% NPK (Trung du Bắc bộ: tháng 7, Bắc Trung bộ: tháng 8)

+ Lần 4: 15% NPK (Trung du Bắc bộ: tháng 9, Bắc Trung bộ: tháng 10)

* Cách bón: bón theo rạch, bón vào hố, sau khi mưa.

- Phân khác: phân vi sinh hữu cơ kết hợp xử lý rác tủ bằng các sản phẩm có chứa vi sinh vật phân giải xenlulose bằng với lượng phân chuồng thay thế.

b. Đối với nguyên liệu phục vụ sản xuất chè Ôlong chất lượng cao.

* Ngoài thực hiện bón phân theo chè nguyên liệu để chế biến chè xanh, chè đen cần bón bổ sung lượng 1000 kg đậu tương, hay 500 đậu tương kết hợp 500kg cá cho 1ha.

- Nghiền đậu tương, cá ngâm ủ trong 1-1,5 tháng trước khi dùng.

- Tưới trước khi thu hoạch chè để làm Ôlong 1,5-2 tháng; sử dụng 2 lần/năm, lần 1 bón 50% đậu tương, cá vào tháng 2 và lần 2 bón 50% còn lại vào tháng 7-8.

- Hòa loãng đậu tương và cá đảm bảo lượng tưới cho chè 2,5-3m³/ha

* Có thể thay thế phân chuồng bằng phân gà và phân tằm với lượng phân gà 5-8 tấn/ha, phân tằm 3-5 tấn/ha (thay cho lượng phân chuồng tương đương)

V. Quản lý dịch hại tổng hợp IPM (integrated pests management)

Đối với giống chè PH8 và PH9 có các loại sâu hại nguy hiểm như Rầy xanh, Bọ trĩ và Bọ xít muỗi. Các loại sâu khác như nhện đỏ và nhóm bệnh là thứ yếu.

5.1. Thời gian phát sinh gây hại:

- Rầy xanh (*Empoasca flavescens*): gây hại quanh năm, chú ý phòng trừ khi chè sinh trưởng trở lại sau khi đốn, cao điểm vụ xuân tháng 3-5, vụ hè thu tháng 7-9.

- Bọ trĩ (*Physothrips setiventris*): gây hại quanh năm, gây hại nặng khi gặp điều kiện khô hạn đầu năm (đặc biệt chú ý khu vực Trung du Bắc bộ), giai đoạn tháng 4 - 5 bọ trĩ kết hợp rầy xanh có thể gây hại rất nặng

- Bọ xít muỗi (*Helopeltis theivora*): gây hại tập chung từ tháng 6 trở đi đến cuối năm.

5.2. Phòng chống bằng biện pháp kỹ thuật canh tác:

- Đốn chè hợp lý, thời điểm thuận lợi nhất đốn chè tháng 12.

- Đối với Bọ xít muỗi, cần tiến hành cắt tỉa cây che bóng thường xuyên đặc biệt từ tháng 8 trở đi. Không được trồng cây che bóng là ký chủ phụ của Bọ xít muỗi như Mít, Hồng Xiêm, ổi, sò, gioi..

- Trồng cây che bóng: cây muồng lá nhọn, 230-280 cây/ha.
- Hải kỹ khi phát sinh dịch; hải chạy kết hợp biện pháp hóa học cho hiệu quả cao..
- Bón phân cân đối như mục IV.

5.3. Bảo vệ thiên địch:

- Rầy xanh: Các loại nhện lớn bắt mồi ăn thịt trên nương chè như *Oxyopes spp*, *Pardosa spp*, *Clubiona spp*, *Agryrodes spp*, *Tetragnatha sp...*

- Bọ xít muỗi: Chuồn chuồn, bọ ngựa và Ong ký sinh *Euphrus helopeltis*.

5.4. Phòng trừ bằng biện pháp hóa học

- Thực hiện điều tra dự tính dự báo.

- Sử dụng luân phiên các nhóm thuốc hóa học như Acetamiprid, nhóm Cypermethrin, nhóm Dimethoate, nhóm Imidacloprid, cyfluthrin, Abatimec...

- Thực hiện sử dụng qui tắc 4 đúng trong công tác BVTV.

- Có thể sử dụng hệ thống bơm áp suất cao, phun thuốc với dung lượng phun 15 - 25 lít/phút, 8-18Mpa, công suất 1.5-3Hp

VI. Chăm sóc khác (Other cultivations)

6.1. Đốn chè:

a. Đốn tạo hình chè KTCB:

- Cách đốn:

- + Lần 1: Đốn thân chính cách mặt đất 15-20 cm, cành bên cách mặt đất 30-35 cm
- + Lần 2: Đốn tạo tán bằng, cách mặt đất 40 –45 cm.
- + Lần 3: Đốn tạo tán bằng, cách mặt đất 50-55cm

- Thời điểm đốn: Tháng 12-1

- Dụng cụ đốn: Dao, kéo và máy (khi đốn lần 3)

b. Đốn chè thời kỳ kinh doanh

* Kỹ thuật đốn:

- Đốn theo chu kỳ: năm thứ nhất đốn cách mặt đất 50 -55cm; năm thứ 2, đốn cách mặt đất 60-65cm; năm thứ 3, đốn cách mặt đất 70-75cm; năm thứ tư, quay trở lại đốn cách mặt đất 55-57cm, rồi lại tiếp tục như cũ. Nếu chè sinh trưởng lâu năm có hiện tượng suy thoái năng suất cần thiết đốn đau và đốn trẻ lại.

- Đốn phớt: Hai năm đầu mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5 cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn cuối cùng cao 70cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1cm so với vết đốn cũ.

- Đốn lửng: Đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lửng cách mặt đất 60-65cm; hoặc chè năng suất khá nhưng cây cao quá cũng đốn lửng cách mặt đất 70-75 cm.

- Đốn đau và đốn trẻ lại: Đồi chè được đốn lửng nhiều năm, cành nhiều máu, cây sinh trưởng kém năng suất giảm rõ rệt thì đốn đau cách mặt đất 40-45cm và đốn trẻ lại ở mức .cách mặt đất 10-25 cm

- Sửa tán: Trong trường hợp nương chè sinh trưởng mạnh, giao tán, có nhiều cành la, để hạn chế sinh trưởng của cành la, tập chung sinh trưởng búp vào tán chè và tạo điều kiện đi lại chăm sóc dễ dàng có thể áp dụng kỹ thuật cắt cành la, thời vụ cắt cành la tốt nhất là trong vụ chè nghỉ, hay đồng thời cùng với việc đốn chè.

* Thời vụ đốn:

- Từ giữa tháng 12 đến hết tháng 1.

- Nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn, đốn sau đợt sương muối nặng.

- Đối với vùng đảm bảo độ ẩm, hoặc có điều kiện chủ động tưới chè và thu hoạch chè vụ đông có thể đốn một phần diện tích vào tháng 4 -5 sau đợt chè xuân góp phần rải vụ thu hoạch chè.

* Cách đốn và dụng cụ đốn:

- Đốn tạo tán có mặt bằng nghiêng theo sườn dốc, không làm dập cành, xây sát vỏ.

- Đốn đau, đốn lửng, đốn trẻ lại dùng dao, cưa.

- Đối với các chè sản xuất kinh doanh áp dụng máy đốn

6.2 Tưới chè:

Nơi có điều kiện về nguồn nước, khả năng đầu tư thì có thể tiến hành tưới cho chè vào các tháng hạn, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và các thời điểm hạn dài chính vụ quá 15 ngày.

Tưới theo phương pháp phun mưa bề mặt với vòi tưới di động hoặc cố định

VII. Thu hái và bảo quản (harvesting and storage).

Chỉ thu hoạch khi đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV và các hóa chất dùng trong sử lý cho chè theo hướng dẫn

7.1. Hái tạo hình chè KTCB:

- Đối với chè tuổi 1 hái lần đầu: Từ tháng 7, hái bấm ngọn những cây chè cao 60 cm trở lên để kích thích cành bên phát triển.

- Đối với chè 2 tuổi: Hái cách mặt đất 50 cm trở lên, hái tạo tán bằng

7.2 Hái chè sản xuất kinh doanh:

a. Hái bằng tay: Nguyên liệu phục vụ cho chè xanh và chè đen Orthodox

* Hái kỹ và tạo mặt tán phẳng: Hái búp đủ tiêu chuẩn 1 tôm có 2-3 lá non.

Khi trên tán chè có > 75% số búp đủ tiêu chuẩn, hái hết búp tạo tán phẳng nghiêng theo sườn dốc nương chè

* Kỹ thuật để chừa theo vụ

- Đối với vụ xuân (tháng 3-4): để đảm bảo cho chè sinh trưởng tốt tạo điều kiện phục hồi sau đốn vụ đông, hái cao hơn vết đốn 10-12cm, tạo tán phẳng.

- Đối với vụ hè- thu (tháng 5-9) hái chừa 1 lá và tạo tán phẳng.

- Đối với vụ thu đông: (tháng 10-12): Hái cả lá cá, tận thu

* Kỹ thuật sửa tán: Sửa tán 2 lần trong năm như sau:

- Lần thứ nhất sau khi kết thúc vụ xuân tháng 4 tại vùng Bắc bộ;

- Lần 2 vào tháng 7 vùng Bắc bộ;

- Kỹ thuật sửa tán: loại bỏ những cành chè sinh trưởng vượt trên tán để tạo tán bằng cho chè sinh trưởng đều trên tán, thực hiện như đốn phớt nhẹ.

b. Kỹ thuật hái chè nguyên liệu phục vụ cho chế biến chè Oolong.

Khi búp chè có một tôm, 4 - 6 lá thì hái búp tôm + 3-4 lá , chừa 2 - 3 lá tùy theo thời vụ, sau mỗi lứa hái cần sửa tán cắt bớt một lớp 1 - 2 lá trên tán chè thời gian giữa hai lần hái 35 - 40 ngày. Thời vụ hái chè để sản xuất nguyên liệu chế biến chè Oolong tốt nhất vào vụ xuân (tháng 3-4) vụ thu đông (tháng 9-10) các tháng khác có thể hái chè để chế biến chè xanh chất lượng cao thời gian cách ly 2 lứa hái 15 - 20 ngày.

c. Hái bằng máy: Phục vụ cho chế biến chè CTC (Crush, tear, Curl)

- Hái sau đốn: Tốt nhất là hái bằng tay, để chừa so với vết đốn 12-15cm và sửa tán phẳng bằng máy để chè sinh trưởng đồng đều phục vụ hái máy vụ hè, thu.

- Đầu tháng 5 khi chè sinh trưởng đều tiến hành hái bằng máy, hái khi tán chè chè có >90% búp sinh trưởng đủ tiêu chuẩn hái, tiến hành hái cao hơn so vết đốn 3-5cm, các lứa sau tiếp tục nâng cao 3-5cm. Khoảng cách giữa 2 lứa hái từ 30-35 ngày.

Chú ý: Cần tiến hành phân loại và loại bỏ cành, lá chè già và các loại thực vật khác mọc xen với chè có lẫn trong nguyên liệu thu hái.

7.3. Bảo quản:

Chè búp tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn bẩn với vật lạ, tạp chất đưa đến nơi chế biến không quá 4 -6 giờ.

(Quy trình chi tiết xin liên hệ với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè

- Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ).